TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thái An M, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: Số 60/3, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: Số 60/3, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa . Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 20/6/2017, biên bản hòa giải ngày11/8/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn (ông Thái An M) thể hiện:***

Ông M và bà T chung sống với nhau từ tháng 6 năm 1987, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, ông M gây nên nợ nần riêng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng. Hiện hai vợ chồng không sống chung từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay nên ông M quyết định làm đơn ly hôn với bà T.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Thái Hoàng Minh M, sinh năm 1988. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung , nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Về phía bị đơn (bà Nguyễn Thị Kim T):*** Quá trình tiến hành tố tụng , Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn bà T tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do . Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Quá trình xác minh , bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 60/3, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa*** Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn". Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Tại phiên tòa , phía bị đơn bà T vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền , nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án . Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Không công nhận ông Thái An M và bà Nguyễn Thị Kim T là vợ chồng; tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông M và bị đơn bà T chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng trong quan điểm, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện hai vợ chồng không sống chung từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Vì vậy, nguyên đơn

làm đơn xin ly hôn với bị đơn. Toà án đã tiến hành hoà giải và tạo điều kiện cho hai bên một thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng nguyên đơn kiên quyết ly hôn. Bị đơn không tham gia giải quyết, xét xử mặc dù Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục luật định nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cả hai không đăng ký kết hôn khi chung sống với nhau là vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Hội đồng xét xử không công nhận nguyên đơn ông M và bị đơn bà T là vợ chồng.

[2] Xét con chung tên Thái Hoàng Minh M, sinh năm 1988 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thái An M và bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Thái An M chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005447 ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2017).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện C;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam